TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 523/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 21 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 461/2018/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 155 đường N, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 155 đường N, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giảithành ngày 13tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày13tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giảithành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị T và anh T công nhận vợ chồng có 01con chung là Nguyễn Nguyễn Thái T, sinh ngày19/9/2012, hiện cháu T đang ở với chị T. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con:Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị T không có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2.4 Về án phí ly hôn: gồm 300.000 đồng nhưng do hòa giải thành nên được miễn 50% án phí là 150.000đồng. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí.

Chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 005918 ngày 07/8/2018 của chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế, nay được hoàn trả 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sựvà Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSNDTP Huế;
- UBND phường V- Huế;
(Giấy ĐKKH số 173 ngày 10/12/2009);
-Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế